

Bản án số: 08/2021/DS-PT

Ngày 10-6-2021

*"Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản
gắn liền với đất; yêu cầu tuyên bố HĐCNQSDĐ
vô hiệu; yêu cầu bồi thường thiệt hại"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà

Các Thẩm phán: Ông Trương Huy Huân;

Bà Nguyễn Thị Xuân

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quán - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thảo - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 10/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLPT-DS ngày 10/3/2021 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; yêu cầu tuyên bố hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu; yêu cầu bồi thường thiệt hại"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc bị nguyên đơn kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXX-PT ngày 07/4/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Vương Duy V, sinh năm 1950; địa chỉ: Phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Các Luật sư Phạm Văn H2, Nguyễn Thị Kim T2, Tổng Chí C1 - Văn Phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Đường G, quận Đ, Thành phố Hà Nội; (ông Hiến, bà Thanh có mặt; ông Cường vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Trần Minh T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Đường P, thị trấn M, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang; có mặt.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Đặng Văn C2 - Văn phòng luật sư C thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vương Duy B, sinh năm 1952; địa chỉ: Đường L, tổ 11, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang; có mặt.

- Ông Vương Duy Q, sinh năm 1957; địa chỉ: Phố Đ, phường C, quận B, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

- Ông Vương Duy H, sinh năm 1971; địa chỉ: Phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

* *Người đại diện theo ủy quyền của các ông Vương Duy B, Vương Duy Q, Vương Duy H:* Ông Vương Duy V, sinh năm 1950; địa chỉ: Phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Chị Vừ Thị P1, sinh năm 1979; địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

4. Người làm chứng:

- Anh Vàng Mí C3, sinh năm 1971; địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; có mặt.

- Anh Vàng Mí D2, sinh năm 1964; có mặt. Bà Thào Thị P2, sinh năm 1939; có mặt. Cùng địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang;

- Ông Sùng Mí T3, sinh năm 1947; địa chỉ: Thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; có mặt;

- Ông Vàng Nhìa L1, sinh năm 1960, có mặt; bà Sùng Thị V (tên gọi khác: Chử L2), sinh năm 1938, vắng mặt có lý do; bà Sùng Thị M1, sinh năm 1937, vắng mặt có lý do; bà Vàng Thị M2, sinh năm 1941, vắng mặt có lý do; anh Vàng Mí D2, sinh năm 1980, vắng mặt không lý do. Cùng địa chỉ: Thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang.

5. Người phiên dịch tiếng Mông: Ông Giàng Xuân H3. Địa chỉ: phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/11/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/3/2019, bản tự khai nguyên đơn ông Vương Duy V trình bày: Vào khoảng năm 1962 bố đẻ ông là cụ Vương Quỳnh A (tức cụ Vàng Phái P3) được dòng họ Vương (tức họ Vàng) chia cho ngôi nhà trình tường ba gian, tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Do công tác xa nên cụ Vương Quỳnh A giao lại nhà đất, nhờ ông Vàng Văn T4 là cháu trong dòng họ ở và trông coi được khoảng 06 đến 07 năm, khi vợ chồng ông T4 ra ngoài ở, cụ Vương Quỳnh A nhờ ông Vương Duy P4 cũng là cháu trong dòng họ ở và trông coi, là nơi thờ cúng tổ tiên hàng

năm theo phong tục địa phương. Năm 1986, cụ Vương Quỳnh A chết, vợ của cụ là cụ bà Chu Thị V cùng các con là ông Vương Duy V, ông Vương Duy B, ông Vương Duy Q, ông Vương Duy H thống nhất không chia thừa kế mà giữ lại làm tài sản chung của gia đình nên vẫn để ông Vương Duy P4 ở và trông coi. Tháng 5/2006 ông Vương Duy P4 chết, con trai của ông P4 là anh Vàng Mí X kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*viết tắt là GCNQSDĐ*).

Ngày 27/11/2006, Ủy ban nhân dân (*viết tắt là UBND*) huyện Mèo Vạc cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Vàng Mí X, chị Vừ Thị P1 tại thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, diện tích 452,4m²; địa chỉ thửa đất tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang.

Ngày 05/10/2011, anh Vàng Mí X chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên cho anh Trần Minh T1, trú tại: Đường P, thị trấn M, huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

Ngày 21/10/2011, ông Vương Duy V là con trai cả của cụ Vương Quỳnh A cùng anh em trong dòng họ đã có đơn khiếu nại UBND huyện M về việc cấp GCNQSDĐ cho anh Vàng Mí X.

Ngày 25/5/2012, ông Vương Duy V khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc, yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho hộ anh Vàng Mí X, chị Vừ Thị P1 đối với diện tích đất 452,4m²; địa chỉ tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang.

Bản án Hành chính phúc thẩm số 01/2013/HC-PT ngày 22/5/2013 của Tòa án nhân dân (*viết tắt là TAND*) tỉnh Hà Giang đã tuyên, hủy GCNQSDĐ số AH976738 của UBND huyện M cấp ngày 27/11/2006, có diện tích 452,4 m² cho hộ anh Vàng Mí X, chị Vừ Thị P1, tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Hủy một phần quyết định số 870/QĐ-UB ngày 27/11/2006 của UBND huyện M về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Vàng Mí X, chị Vừ Thị P1, tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang.

Ngày 24/10/2013, UBND huyện M có Thông báo số 110/TB-UBND về việc thực hiện Bản án phúc thẩm số 01/2013/HC-PT ngày 22/5/2013 của TAND tỉnh Hà Giang có nội dung “*Kể từ ngày 22/5/2013 GCNQSDĐ số hiệu AH976738 của UBND huyện M cấp ngày 27/11/2006 có diện tích 452,4m² cho hộ Vàng Mí X, Vừ Thị P1, xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang hết hiệu lực theo Bản án số 01/2013/HC-PT ngày 22/5/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Giang*”.

Năm 2014, ông Vương Duy V có đơn đề nghị UBND thị trấn và UBND huyện M cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất trên cho gia đình ông nhưng chưa có kết quả.

Ngày 31/10/2018, Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang tổ chức đối thoại với ông Vương Duy V theo đơn khiếu nại của ông V. Tại buổi đối thoại Chủ tịch UBND tỉnh kết luận:

- Thừa đất số 132, tờ bản đồ số 12 và tài sản trên đất có nguồn gốc là của cụ Vương Quỳnh A, UBND tỉnh sẽ tiếp tục giao cho các cơ quan chức năng xem xét.

- Việc UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho anh Vàng Mí X, chị Vừ Thị P1 là sai. Giao cho UBND huyện M thu hồi GCNQSDĐ theo Bản án hành chính phúc thẩm của TAND tỉnh Hà Giang.

Sau khi có kết quả đối thoại, ông Vương Duy V có đơn đề nghị Phòng Tài nguyên & Môi trường; UBND huyện M cấp đất cho gia đình ông theo kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang, nhưng do UBND huyện không giải quyết dứt điểm để kéo dài quá lâu nên gia đình ông đã khởi kiện vụ án tranh chấp đất đai ra Tòa án giải quyết.

Cơ sở mà ông Vương Duy V làm đơn yêu cầu khởi kiện đòi lại nhà và đất tại thửa số 132, tờ bản đồ số 12, có diện tích 452,4m² tại thôn C, thị trấn Mèo Vạc là khu nhà, đất có nguồn gốc 4 đến 5 đời của họ Vàng, nghĩa là có từ đời kỵ Vàng Chung T, kỵ T sinh được 4 người con 2 trai, 2 gái, 02 người con trai của kỵ là cụ Vàng Sính V và cụ Vàng Nọ P. Cụ Vàng Sính V lấy 2 người vợ và sinh được 5 người con (2 người con trai của cụ là cụ Vàng Dũng S, cụ Vương Quỳnh A, 3 người con gái là cụ Phở C, cụ Vàng Thị C, cụ Vương Thị M). Những năm đầu, khi mới làm nhà thì các gia đình ở chung với nhau, cùng làm cùng ăn, về sau do đông người nên đã chia tách. Ngôi nhà được làm theo kiểu kiến trúc Nhà Vương ở xã S, huyện Đ, có nhà chính, nhà ngang, bếp. Khi chia tách bố ông Vương Duy V là cụ Vương Quỳnh A được dòng họ Vương chia cho ngôi nhà to chính giữa, nhưng vì đi công tác xa nên cụ giao lại nhà, đất nhờ ông Vàng Văn T4 là cháu trong dòng họ ở và trông coi được khoảng 6 đến 7 năm, khi vợ chồng ông T4 không ở, cụ Vương Quỳnh A nhờ ông Vương Duy P4 cũng là cháu trong dòng họ ở và trông coi, do đều là các cháu trong cùng dòng họ nên cụ Vương Quỳnh A không làm giấy tờ gì và cũng không thỏa thuận về thời gian. Năm 1986, cụ Vương Quỳnh A chết, cụ bà Chu Thị V và 4 anh em ông V thống nhất không chia thừa kế mà làm nơi thờ cúng tổ tiên. Trong thời gian ông Vàng Văn T4 và ông Vương Duy P4 ở, cụ Vương Quỳnh A có hai lần gửi tiền để sửa nhà. Năm 2006, sau khi ông Vương Duy P4 chết, vợ chồng anh Vàng Mí X đã làm đơn xin cấp GCNQSDĐ, đến năm 2011 anh X chuyển nhượng nhà và đất cho anh Trần Minh T1, sau khi nhận chuyển nhượng, anh T1 đã phá bỏ bàn thờ tổ tiên, làm thay đổi hiện trạng khu nhà này, hiện nay anh Trần Minh T1 đang quản lý, sử dụng toàn bộ khu nhà và đất đang tranh chấp.

Từ những lý do trên, ông Vương Duy V đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết như sau:

1. Buộc anh Trần Minh T1 trả lại cho gia đình ông diện tích đất 452,4m² và tài sản trên đất thuộc thửa số 132, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang.

2. Tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không có tài sản gắn liền với đất) giữa vợ chồng anh Vàng Mí X và anh Trần Minh T1 đã được UBND thị trấn M chứng thực ngày 05/10/2011 vô hiệu.

3. Đề nghị anh Trần Minh T1 bồi thường thiệt hại cho gia đình ông số tiền 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*) do anh T1 đã xâm phạm tài sản của gia đình ông. Trong đó, giá trị đất 170.000.000đ (*một trăm bảy mươi triệu đồng*), giá trị nhà trên đất 330.000.000đ (*ba trăm ba mươi triệu đồng*). Bồi thường lợi nhuận thu được từ kinh doanh nhà nghỉ và khắc phục thiệt hại với số tiền 1.285.000.000đ (*một tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu đồng*).

- *Tại đơn đề nghị ngày 08/4/2019 (bút lục số 351-354); bản trình bày ý kiến ngày 23/5/2019 (bút lục 365 -367); biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 14/10/2019 (bút lục số 349- 450); bản tự khai ngày 18/10/2019 (bút lục 340-341); biên bản lấy lời khai bổ sung ngày 11/8/2020 (bút lục số 337-338); đơn đề nghị ngày 14/8/2020 (bút lục số 342- 343) bị đơn anh Trần Minh T1 trình bày: Anh T1 không nhất trí các yêu cầu khởi kiện của ông Vương Duy V vì những lý do sau:*

Thứ nhất: Ngày 27/11/2006, UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho hộ anh Vàng Mí X, chị Vừ Thị P1 thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, diện tích 452,4m²; địa chỉ tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Nguồn gốc đất được gia đình anh Vàng Mí X sử dụng ổn định từ trước năm 1993, có đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước, không có ai tranh chấp, trước đó nhà và đất trên có thể có nhiều người sử dụng, tuy nhiên chưa ai có quyết định giao đất hoặc giấy tờ hợp pháp của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thể hiện chủ sử dụng hợp pháp đối với thửa đất trên.

Ngày 05/10/2011, vợ chồng anh Vàng Mí X, chị Vừ Thị P1 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất đang sử dụng cho anh theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 43, quyền số 01 TP/CC-SCT/HĐGD, việc chuyển nhượng đất do hai bên thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc hoặc lừa dối và có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền, anh cũng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho vợ chồng anh Vàng Mí X, do đó việc anh quản lý, sử dụng thửa đất nhận chuyển nhượng không xâm phạm đến quyền lợi của gia đình ông V. Trong Hợp đồng chuyển nhượng không thể hiện có tài sản trên đất là do anh và anh X có làm riêng biên bản viết tay về giá mua bán nhà, đất là 392.000.000đ (*ba trăm chín mươi hai triệu đồng*).

Thứ hai: Ông Vương Duy V không có quyền khởi kiện trong vụ án này, vì ông V không cung cấp được giấy tờ hợp pháp chứng minh ông là chủ sử dụng hay người có quyền lợi trực tiếp đối với diện tích đất đang tranh chấp theo quy định của pháp luật. Từ các lý do trên, anh T1 đề nghị Tòa án trả lại đơn khởi kiện cho ông Vương Duy V theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự, ngoài ra anh T1 không có yêu cầu nào khác.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 14/10/2019 và ngày 11/8/2020 Tòa án triệu tập để lấy lời khai, anh Trần Minh T1 có đến trình bày nhưng không ký vào biên bản. Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ như lấy lời khai, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh Trần Minh T1 không hợp tác. Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự từ chối nhận văn bản tố tụng; thủ tục niêm yết tại nơi cư

trú của đương sự, trụ sở Tòa án, UBND thị trấn M theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- *Tại bản tự khai ngày 07/9/2020 (bút lục 170-171); biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2020 (bút lục số 168-169) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vừ Thị P1 trình bày:* Chị xây dựng gia đình với anh Vàng Mí X năm 18 tuổi, chị và anh X chung sống cùng gia đình nhà chồng tại căn nhà mà hiện nay ông Vương Duy V đang khởi kiện, khi đó gia đình chị có 5 người (*bố mẹ chồng, hai vợ chồng chị và một đứa em cô*), bố chồng chị là ông Vương Duy P4 làm chủ hộ, nhưng đến nay sổ hộ khẩu đã thay đổi và bị thất lạc. Trong thời gian ở, gia đình chị có nộp thuế đất, còn việc nộp bao nhiêu năm, bao nhiêu tiền chị không biết rõ, vì anh Vàng Mí X là người trực tiếp đi nộp, hiện nay các giấy tờ đã được nộp cho Tòa án. Khi bố chồng chị còn sống có nói với vợ chồng chị, anh X là con út, chưa có nhà cửa, sau này bố mẹ chết, vợ chồng chị được quyền sử dụng căn nhà và đất trên, vì thế sau khi ông P4 chết, năm 2006 vợ chồng chị làm đơn gửi UBND thị trấn M xác nhận và xin cấp đất, đến khoảng cuối năm 2006, UBND huyện M cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng chị. Theo GCNQSDĐ có 150m² đất ở và 302,4m² đất trồng cây hàng năm. Đến năm 2011, khi căn nhà trên dột nát nhiều, vợ chồng chị không có điều kiện để sửa nên đã bán cho anh Trần Minh T1 cả nhà và đất với giá 600.000.000đ (*sáu trăm triệu đồng*), còn cụ thể trong Hợp đồng viết như thế nào chị không biết, việc mua bán chủ yếu do anh X và anh T1 thực hiện, tiền anh X cũng cầm chứ chị không cầm. Hơn nữa, trong thời gian chị sinh sống ở ngôi nhà đó, hàng năm vào dịp Thanh minh ông Vương Duy V có lên chơi chứ không ăn, ngủ, cũng không thờ cúng gì ở nhà chị mà làm lễ tại nhà ông Vàng Mí D1 thuộc tổ 4, thị trấn Mèo Vạc, nay ông V khởi kiện đòi lại nhà, đất và cho rằng đó là nơi thờ cúng tổ tiên là không đúng nên chị P1 không nhất trí.

Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021, TAND huyện Mèo Vạc quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165, Điều 166, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 1, khoản 4 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 91 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vương Duy V về việc buộc anh Trần Minh T1 trả lại diện tích đất 452,4m² và tài sản trên đất là nhà, thuộc thửa số 132, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*không có tài sản gắn liền với đất*) giữa vợ chồng anh X và anh Trần Minh T1 đã được UBND thị trấn M chứng thực ngày 05/10/2011 là vô hiệu; đề nghị anh Trần Minh T1 bồi thường thiệt hại cho gia đình ông số tiền 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*)

do anh T1 đã xâm phạm tài sản của gia đình ông. Trong đó, giá trị đất là 170.000.000đ (*một trăm bảy mươi triệu đồng*), giá trị nhà trên đất là 330.000.000đ (*ba trăm ba mươi triệu đồng*); bồi thường lợi nhuận thu được từ kinh doanh nhà nghỉ và khắc phục thiệt hại với số tiền là 1.285.000.000đ (*một tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu đồng*).

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/02/2021 ông Vương Duy V là nguyên đơn trong vụ án kháng cáo với nội dung: Bản án dân sự sơ thẩm của TAND huyện Mèo Vạc xét xử không công bằng, không khách quan, thiên vị bên bị đơn, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc đánh giá chứng cứ dẫn đến bác yêu cầu khởi kiện của ông và tuyên bản án không đúng quy định của pháp luật, trong khi ông hoàn toàn chứng minh được toàn bộ diện tích nhà đất 452,4m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang là của cụ Vương Quỳnh A (*tức cụ Vàng Phái P3*) là bố đẻ của ông như:

- Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2013/HC-PT ngày 22/5/2013 của TAND tỉnh Hà Giang;
- Thông báo số 110/TB-UBND ngày 24/10/2013 của UBND huyện M;
- Biên bản đối thoại ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hà Giang;
- Giấy xác nhận của những người làm chứng và các căn cứ pháp lý khác.

Vì những lý do trên, ông Vương Duy V kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của TAND huyện Mèo Vạc. Đề nghị TAND tỉnh Hà Giang sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của TAND huyện Mèo Vạc, chấp nhận kháng cáo của ông.

Ngày 26/02/2021, Viện kiểm sát nhân dân (*viết tắt là VKSND*) tỉnh Hà Giang kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của TAND huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang (*Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 02/QĐKNPT-VKS-DS*), nội dung kháng nghị như sau:

Bản án số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của TAND huyện Mèo Vạc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự: Xác định chưa chính xác quan hệ tranh chấp; xác định thiếu tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với anh Vàng Mí X, không xác định tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Vàng Mí X; không giải quyết đầy đủ yêu cầu của đương sự vi phạm Điều 26, khoản 4 Điều 68, Điều 74, Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; không giải quyết triệt để được vụ án, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Đề nghị TAND tỉnh Hà Giang xét xử phúc thẩm theo hướng hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của TAND huyện Mèo Vạc, chuyển hồ sơ cho TAND huyện Mèo Vạc giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Vương Duy V thay đổi nội dung kháng cáo, ông V đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy Bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của TAND huyện Mèo Vạc, chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện Mèo Vạc giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm vì có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đại diện VKSND tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS ngày 26/02/2021 của VKSND tỉnh Hà Giang.

Luật sư Phạm Văn H2 và Luật sư Nguyễn Thị Kim T2 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Trước hết, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu thay đổi kháng cáo của ông Vương Duy V, đề nghị hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của TAND huyện Mèo Vạc, chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện Mèo Vạc giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm vì có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và vi phạm nghiêm trọng trong việc đánh giá chứng cứ vì những lý do sau:

Thứ nhất: Nội dung đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, ông Vương Duy V có 04 yêu cầu khởi kiện gồm:

- Đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của gia đình ông với diện tích đất khoảng 452,4m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang;

- Đề nghị Tòa án tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (*không có tài sản trên đất*) giữa vợ chồng anh Vàng Mí X và anh Trần Minh T1 đã được UBND thị trấn M chứng thực ngày 05/10/2011 số 43, quyền số 01TP/CC-SCT/HĐGD là vô hiệu và tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng này;

- Yêu cầu anh Trần Minh T1 trả lại cho gia đình ông diện tích đất khoảng 452,4m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang;

- Đề nghị anh Trần Minh T1 bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*) do anh T1 đã xâm phạm tài sản của gia đình ông V. Trong đó, giá trị đất là 170.000.000đ (*một trăm bảy mươi triệu đồng*), giá trị nhà trên đất là 330.000.000đ (*ba trăm ba mươi triệu đồng*). Bồi thường lợi nhuận thu được từ kinh doanh nhà nghỉ và khắc phục thiệt hại với số tiền là 1.285.000.000đ (*một tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu đồng*).

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của ông Vương Duy V, cụ thể Tòa án cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất*”, không giải quyết yêu cầu khởi kiện đề nghị công nhận quyền sử dụng đất của ông V; yêu cầu tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh X và anh T1, yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản số tiền 1.285.000.000đ, không được phân tích đánh giá, không đáp ứng yêu cầu khởi kiện của ông V, vi phạm Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thứ hai: Không đưa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng, các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập lời

khai của cụ Chu Thị V là mẹ đẻ của ông Vương Duy V trong vụ án hành chính. Lời khai của cụ V thể hiện rất rõ năm 1962 vợ chồng cụ được dòng họ Vương chia cho tài sản là nhà và đất tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Như vậy, tài sản đang tranh chấp ngoài 04 người con chung với cụ Quỳnh A, cụ V cũng là người có quyền lợi liên quan, mặc dù cụ V đã chết nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định, không đưa cụ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để kế thừa quyền và nghĩa vụ là vi phạm thủ tục tố tụng;

Bản án sơ thẩm nêu anh Vàng Mí X là người chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho anh T1 đã chết thì phải đưa chị Vũ Thị P1 là vợ của anh X và các con của anh X vào tham gia tố tụng để kế thừa quyền và nghĩa vụ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định, không đưa các con của anh X vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng.

Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh X và anh T1 đúng hay sai cần phải có ý kiến của UBND thị trấn M là cơ quan đã chứng thực Hợp đồng, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND thị trấn M, huyện Mèo Vạc vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng.

Thứ ba: Những chứng cứ ông Vương Duy V cung cấp tại Tòa án gồm Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2013/HC-PT ngày 22/05/2013, Công văn số 31/TA-HC ngày 07/10/2014 về việc giải thích bản án của TAND tỉnh Hà Giang; Thông báo số 110/TB-UBND ngày 24/10/2013 của UBND huyện M; Biên bản đối thoại ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hà Giang là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự và đặc biệt lời khai của những người làm chứng đã được xác minh và có mặt tại phiên tòa sơ thẩm đều xác nhận diện tích đất 452,4m² và tài sản trên đất cụ Vương Quỳnh A là bố đẻ ông Vương Duy V đã được dòng họ chia cho từ năm 1962, trong khi người làm chứng là những người biết về nguồn gốc tài sản nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại đánh giá là không khách và nhận định rằng ông V là người có nghĩa vụ chứng minh nhưng không cung cấp được chứng cứ gì.

Năm 1962 chưa có Luật đất đai, hơn nữa phong tục người dân tộc Mông tài sản phải được để lại cho con cháu của họ, không ai cho con tài sản mà phải lập thành văn bản, cũng không có văn bản chia thừa kế nên không đòi hỏi phải có văn bản của dòng họ Vương giao tài sản cho cụ Vương Quỳnh A, sau đó cụ Quỳnh A giao lại cho ông V, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tập quán trong vụ án này.

Đối với nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Hà Giang là hợp pháp, có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, kháng nghị của VKSND tỉnh Hà Giang, hủy bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của TAND huyện Mèo Vạc.

Luật sư Đặng Văn C2 là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn và Kiểm sát viên cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật và không

giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ, vì đối với yêu cầu khởi kiện của ông Vương Duy V đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ông không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, mà thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan hành chính nhà nước có thẩm quyền theo Luật đất đai. Đối với Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do đã hết thời hiệu khởi kiện nên việc đưa cụ Chu Thị V và UBND thị trấn M, huyện Mèo Vạc vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không cần thiết. Đối với những người con của anh Vàng Mí X, Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của họ nhưng họ từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đảm bảo. Đối với các tài liệu ông Vương Duy V cung cấp cho Tòa án như Bản án hành chính phúc thẩm của TAND tỉnh Hà Giang chỉ đánh giá tính hợp pháp, tính có căn cứ của quyết định hành chính bị khởi kiện. Trong vụ án này do có sự nhầm lẫn về mặt thời gian nên GCNQSDĐ mới bị hủy, chứ bản án hành chính không giải quyết vấn đề ai là người có quyền sử dụng đất. Biên bản đối thoại của UBND tỉnh Hà Giang chỉ là văn bản giải quyết khiếu nại, nguyên đơn và các Luật sư viện dẫn văn bản giải thích bản án, cách hiểu như vậy là thiếu căn cứ. Việc đề nghị áp dụng tập quán để giải quyết trong vụ án này là không đúng, vì chỉ trong những trường hợp pháp luật chưa có quy định thì mới áp dụng tập quán. Đối với lời khai của những người làm chứng, đa phần họ không trực tiếp chứng kiến, tham gia phân chia tài sản như thế nào mà chỉ nghe kể lại nên không có cơ sở xem xét.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn, không chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Hà Giang.

Kiểm sát viên phát biểu về những vấn đề mà người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự đã nêu: Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng kháng nghị của VKSND tỉnh Hà Giang nêu Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ tranh chấp là không đúng, Viện kiểm sát chỉ nêu quan điểm Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp chưa đầy đủ chứ không phải xác định sai quan hệ tranh chấp. Về tư cách tham gia tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người con của anh X vào tham gia tố tụng để kế thừa quyền và nghĩa vụ, không có thông báo đưa họ vào tham gia tố tụng là vi phạm tố tụng. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị công nhận quyền sử dụng đất và trả lại tài sản là 02 quan hệ pháp luật khác nhau nên Tòa án cấp sơ thẩm phải giải quyết hết các yêu cầu khởi kiện này mới đầy đủ.

Đối với ý kiến của các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày đồng thuận quan điểm với những nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Hà Giang nên Kiểm sát viên không có ý kiến gì thêm.

Sau khi kết thúc việc tranh luận và đối đáp Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của VKSND tỉnh Hà Giang về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định về thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, quyết định đưa vụ án ra xét xử và giao hồ sơ để Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đối với Bản án số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của TAND huyện Mèo Vạc vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự: Xác định chưa chính xác quan hệ tranh chấp, thiếu tư cách tham gia tố tụng của anh Vàng Mí X, không xác định tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh X, không giải quyết đầy đủ yêu cầu của đương sự, vi phạm Điều 26, khoản 4 Điều 68, Điều 74, Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự mà tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, không giải quyết triệt để vụ án, không bảo đảm quyền lợi của đương sự. Do đó, kháng cáo của ông Vương Duy V và kháng nghị của VKSND tỉnh Hà Giang là có căn cứ, cần chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự để hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của TAND huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Ngày 01/02/2021, TAND huyện Mèo Vạc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, ngày 03/02/2021 ông Vương Duy V là nguyên đơn trong vụ án có đơn kháng cáo toàn bộ bản án; ngày 26/02/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang có Quyết định kháng nghị số 02/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của TAND huyện Mèo Vạc. Như vậy, nguyên đơn kháng cáo đúng thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; VKSND tỉnh Hà Giang kháng nghị đúng thời hạn và thẩm quyền theo quy định tại Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án được đưa ra xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, những người tham gia tố tụng được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt gồm: Ông Tổng Chí C1, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; ông Vương Duy Q, ông Vương Huy Hùng, chị Vừ Thị P1 - người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; bà Sùng Thị V, bà Sùng Thị M1, bà Vàng Thị M2, anh Vàng Mí D2 là những người làm chứng, các đương sự và Kiểm sát viên tham gia phiên tòa không ai có ý kiến gì về sự vắng mặt của họ; căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo thủ tục chung.

[3]. Trước khi tranh tụng tại phiên tòa, nguyên đơn ông Vương Duy V thay đổi nội dung kháng cáo, ông V đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của TAND huyện Mèo Vạc, chuyển hồ sơ vụ án cho TAND huyện Mèo Vạc giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm vì có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ. Xét thấy yêu cầu thay đổi nội dung kháng cáo của nguyên đơn không vượt quá phạm vi kháng cáo, căn cứ khoản 2 Điều 248 Bộ luật Tố tụng dân sự yêu cầu thay đổi nội dung kháng cáo của ông Vương Duy V được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[4]. Xét nội dung kháng cáo của nguyên đơn Vương Duy V về việc ông cho rằng Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2013/HC-PT ngày 22/5/2013, Công văn số 31/TA-HC ngày 07/10/2014 về việc giải thích Bản án số 01/2013/HC-PT ngày 22/5/2013 của TAND tỉnh Hà Giang; Thông báo số 110/TB-UBND ngày 24/10/2013 của UBND huyện M là căn cứ chứng minh bố đẻ của ông là cụ Vương Quỳnh A được dòng họ Vương chia cho đất đai, nhà cửa từ năm 1962. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 163 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 Hội đồng xét xử có thẩm quyền “*Chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính trái pháp luật; buộc cơ quan nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan nhà nước thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật*”. Do đó, Bản án hành chính phúc thẩm số 01/2013/HC-PT ngày 22/05/2013 của TAND tỉnh Hà Giang hủy GCNQSDĐ của anh Vàng Mí X, chị Vừ Thị P1 với lý do trình tự thủ tục cấp GCNQSDĐ không thực hiện đúng quy định của pháp luật, anh X kê khai nguồn gốc đất cha ông để lại từ năm 1940 nhưng không có giấy tờ gì chứng minh; biên bản xác định mốc giới không có xác nhận của các hộ liên kề; việc xác nhận của chính quyền và cơ quan chức năng không phù hợp về thời gian, không đảm bảo thủ tục hành chính. Vì vậy, Bản án hành chính 01/2013/HC-PT ngày 22/5/2013 của TAND tỉnh Hà Giang không giải quyết nội dung ai là người có quyền sử dụng đất và Công văn số 31/TA-HC ngày 07/10/2014 của TAND tỉnh Hà Giang cũng chỉ được giải thích trong phạm vi thẩm quyền của Hội đồng xét xử giải quyết vụ án hành chính; Thông báo số 110/TB-UBND ngày 24/10/2013 của UBND huyện M là văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo về việc GCNQĐĐ đã cấp cho anh X, chị P1 hết hiệu lực theo bản án phúc thẩm của TAND tỉnh Hà Giang đã tuyên, không phải là chứng cứ chứng minh ai là người có quyền quản lý, sử dụng hợp pháp đối với tài sản đang tranh chấp.

[5]. Đối với nội dung kháng cáo ông V trình bày cho rằng: Biên bản đối thoại ngày 31/10/2018 của UBND tỉnh Hà Giang là căn cứ chứng minh nguồn gốc diện tích đất đang tranh chấp là của bố ông được chia từ năm 1962, Hội đồng xét xử xét thấy, tại mục 4. Kết quả đối thoại nêu “*Khẳng định thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12 và tài sản trên đất có nguồn gốc là của ông Vương Quỳnh A. UBND tỉnh sẽ tiếp tục giao cho các cơ quan chức năng xem xét giải quyết đảm bảo thấu tình, đạt lý, đúng quy định của pháp luật sau khi có bản án giải quyết tranh chấp đất đai giữa gia đình ông và ông Trần Minh T1 có hiệu lực pháp luật*”. Như vậy, kết luận tại phiên đối thoại là kết quả giải quyết khiếu nại, không phải quyết định hành chính giải quyết tranh chấp đất đai làm phát sinh hiệu lực, việc gia đình ông Vương Duy V có được cấp GCNQSDĐ hay không UBND tỉnh sẽ giao cho cơ quan chức năng xem xét, giải quyết sau khi có bản án tranh chấp đất đai giữa ông và anh Trần Minh T1 theo quy định của Luật đất đai hiện hành.

[6]. Đối với nội dung kháng cáo ông V trình bày, ông đã cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận của những người làm chứng, lời khai của họ trong các bản tự khai cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đều khẳng định nguồn gốc nhà và đất tranh chấp bố ông được chia từ năm 1962, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa phúc thẩm, những người làm chứng Vàng Mí C3, Vàng Mí D1, Thào Thị P2,

Sùng Mí T3, Vàng Nhìa L1 đều trình bày diện tích 452,4m² đất thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12 và tài sản trên đất, có địa chỉ tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang là của cụ Vương Quỳnh A, tức bố ông Vương Duy V được dòng họ Vương chia cho từ năm 1962. Tuy nhiên, những người làm chứng này đều chỉ nghe qua người khác kể lại hoặc do cụ Vương Quỳnh A nói chuyện, vì năm 1962 họ còn rất nhỏ hoặc chưa được sinh ra, duy nhất có bà Thảo Thị P2 cho rằng bà được chứng kiến cụ Vương Quỳnh A được cụ Vàng Chá V, là anh họ cụ Quỳnh A chia nhà, đất, sau đó cụ Vương Quỳnh A gọi vợ chồng bà đến trông coi nhà cửa giúp được khoảng 13 đến 15 năm, do gia đình bà có 03 người con bị chết trẻ nên vợ chồng bà ra ngoài ở, bà và ông Vàng Văn T4 chồng bà đã trực tiếp trả lại tài sản cho cụ Vương Quỳnh A, tiếp đó bà được chứng kiến cụ Vương Quỳnh A gọi ông Vương Duy P4 đến nhờ ông P4 trông coi nhà cửa giúp. Song, cũng tại phiên tòa anh Vàng Chá Đình là con trai của bà P2 lại khẳng định, phong tục tập quán của người dân tộc Mông phụ nữ không được tham gia bàn bạc công việc lớn của đàn ông, kể cả ăn cơm cũng không được ngồi cùng mâm với đàn ông. Hội đồng xét xử xét thấy, việc phân chia tài sản trong dòng họ là việc lớn, việc giao tài sản của mình nhờ người khác trông coi hộ cũng là việc lớn vậy nên bà P2 chỉ là phận dâu của dòng họ Vương, bà có được chứng kiến mọi việc như bà đã trình bày hay không không có chứng cứ nào chứng minh. Mặt khác, lời khai của bà P2 (vợ ông Vàng Văn T4) và anh Lữ (con trai ông Vương Duy P4) cũng trình bày tại phiên tòa, trong thời gian sử dụng nhà và đất gia đình ông T4, ông P4 có sửa nhà làm 04 lần nhưng là các gia đình tự sửa chữa chứ không nhận được tiền ai gửi về sửa, nội dung này mâu thuẫn với lời trình bày của ông Vương Duy V khi ông cho rằng bố ông là cụ Vương Quỳnh A đã 02 lần gửi tiền cho ông T4, ông P4 sửa nhà trong thời gian ông T4, ông P4 trông coi nhà hộ. Trong các biên bản lấy lời khai, bà P2 xác định thời gian vợ chồng bà trông coi nhà cửa giúp cụ Vương Quỳnh A khoảng 6 đến 7 năm, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm bà P2 thay đổi lời khai thời gian gia đình bà dọn đến ở, trông coi nhà đất giúp cụ Quỳnh A từ khoảng 13 đến 15 năm. Như vậy, lời khai của những người làm chứng, trong đó bao gồm cả lời khai của bà P2 không ổn định, không phải là căn cứ vững chắc để khẳng định diện tích đất tranh chấp và tài sản gắn liền với đất ông Vương Duy V đang khởi kiện tại Tòa án thuộc quyền quản lý, sử dụng của cụ Vương Quỳnh A.

[7]. Mặt khác, tại Biên bản làm việc ngày 25/11/2020 (*bút lục 234*); Công văn số 13/CV-TNMT ngày 22/7/2020 của Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện Mèo Vạc (*bút lục 205*) cho thấy thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12; địa chỉ thửa đất tại thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang được đo đạc từ khoảng năm 1998 đến năm 1999 nhưng không thể hiện tên người sử dụng. Thửa đất nêu trên từ giai đoạn năm 1960 đến năm 1999 không có thông tin về đơn xin cấp đất, không có bản đồ giải thửa, sổ mục kê, bản đồ địa chính đứng tên bất cứ ai là người có quyền sử dụng đất. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Vương Duy V và bà P2 xác nhận về thời gian ông Vương Duy P4 là bố đẻ của anh Vàng Mí X sinh sống tại ngôi nhà và đất có tranh chấp từ khoảng năm 1974, sau khi ông P4 chết vào năm 2006 anh X tiếp tục quản lý, sử dụng nhà và đất đến năm 2011 anh X chuyển nhượng đất cho anh T1 nên xảy ra tranh chấp. Ông Vương Duy V trình bày ý

kiến cho rằng do dân tộc Mông không có chữ viết, không có gia phả nên thời điểm năm 1962 cụ Trự đã chết, cụ Vàng Chá V, anh họ cụ Vương Quỳnh A là người cao tuổi nhất dòng họ Vương lúc bấy giờ đứng ra phân chia tài sản và chỉ nói bằng miệng, không có văn bản, giấy tờ gì. Việc nhờ ông Vàng Văn T4, ông Vương Duy P4 và sau này là anh Vàng Mí X trông coi nhà cửa, thờ cúng tổ tiên cũng chỉ nói bằng miệng. Hội đồng xét xử thấy rằng, cụ Vương Quỳnh A là bố đẻ của ông V khi còn sống tham gia công tác ở nhiều cương vị khác nhau nên cho dù dân tộc Mông không có chữ viết, dòng họ Vương nhiều người không biết nói tiếng phổ thông và không biết viết chữ nhưng bản thân cụ Quỳnh A có đủ điều kiện lập văn bản để chứng minh nguồn gốc tài sản cụ được giao quản lý, sử dụng là hợp pháp ngay từ năm 1962 hoặc trong khoảng 24 năm kế tiếp, trước khi cụ qua đời vào năm 1986. Ông Vương Duy P4 qua đời sau cụ Vương Quỳnh A 20 năm (năm 2006), tiếp đó vợ chồng anh Vàng Mí X là con trai út của ông P4 duy trì quản lý, sử dụng tài sản là chính ngôi nhà anh được sinh ra và lớn lên, thời điểm này Luật đất đai đã ra đời, các chính sách pháp luật về đất đai được phổ biến rộng rãi trong nhân dân, mặc dù các anh em ruột trong gia đình ông V đều thoát ly và có trình độ học vấn nhất định nhưng cũng không ai lập bất cứ văn bản gì chứng minh nguồn gốc diện tích đất gia đình ông Vương Duy P4 đang sử dụng là tài sản của cụ Quỳnh A đã nhờ ông Vương Duy P4, anh Vàng Mí X trông coi nhà, đất để thờ cúng tổ tiên họ. Đặc biệt hơn, ông V cùng các em trong gia đình ông không ai thực hiện các quyền, nghĩa vụ của người được sử dụng đất như nộp thuế đất, kê khai đăng ký đất đai theo quy định của Luật đất đai, trong khi trên thực tế người trực tiếp thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đất cho Nhà nước là anh Vàng Mí X (*bút lục từ 175 đến bút lục 186*), điều đó chứng minh được ông Vương Duy P4, sau này là anh Vàng Mí X là người chiếm hữu hợp pháp, ngay tình đối với diện tích đất 452,4m² thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12 và tài sản trên đất tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang.

[8]. Điều 184 Bộ luật dân sự quy định “1. Người chiếm hữu được suy đoán là ngay tình; người nào cho rằng người chiếm hữu không ngay tình thì phải chứng minh; 2. Trường hợp có tranh chấp về quyền đối với tài sản thì người chiếm hữu được suy đoán là người có quyền đó. Người có tranh chấp với người chiếm hữu phải chứng minh về việc người chiếm hữu không có quyền; 3. Người chiếm hữu ngay tình, liên tục, công khai được áp dụng thời hiệu hưởng quyền và được hưởng hoa lợi, lợi tức mà tài sản mang lại theo quy định của bộ luật này và các luật khác có liên quan”. Việc ông Vương Duy P4 và sau này là anh Vàng Mí X quản lý, sử dụng nhà và đất được ông Vương Duy V và bà Thảo Thị P2 khẳng định lại, tính đến ngày xảy ra tranh chấp khoảng 37 năm, gia đình anh X quản lý, sử dụng công khai, liên tục, ngay tình và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế đầy đủ theo quy định của Luật đất đai mới thật sự là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, nghĩa vụ chứng minh trong vụ án này thuộc về nguyên đơn theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng tất cả những tình tiết, sự kiện nguyên đơn trình bày thể hiện cả quá trình từ khi cụ Vương Quỳnh A được dòng họ Vương chia cho tài sản là nhà và đất từ năm 1962 cho đến năm 2011 phát sinh tranh chấp là 49 năm, trải qua nhiều thời kỳ chính sách pháp luật về đất đai ra đời và thay đổi nhưng nguyên đơn không có bất cứ tài

liệu gì chứng minh một cách rõ ràng về nguồn gốc tài sản tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của cụ Vương Quỳnh A. Những tài liệu ông V cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án đã được phân tích, đánh giá tại các đoạn [4], [5], [6] và những bức ảnh ông V cung cấp trước khi mở phiên tòa phúc thẩm thể hiện hàng năm ông đều về quê tổ chức Thanh minh và có đến nhà anh X thắp hương cho tổ tiên không phải là cơ sở vững chắc để chứng minh nguồn gốc diện tích đất 452,4m² thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12 và tài sản trên đất tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang, cụ Vương Quỳnh A là bố đẻ của ông V được dòng họ Vương chia cho từ năm 1962 và việc gia đình ông Vương Duy P4 sinh sống 37 năm trong ngôi nhà đó chỉ là được gia đình ông nhờ trông coi nhà cửa hộ.

[9]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không xác đầy đủ quan hệ pháp luật tranh chấp, không đề cập đến *"Yêu cầu tuyên hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất"* của nguyên đơn là vi phạm thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy, trong phần trích yếu của bản án và đoạn [2] phần nhận định của Bản án, Tòa án cấp sơ thẩm không ghi đầy đủ quan hệ tranh chấp là thiếu sót, tuy nhiên nội dung vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã nêu đầy đủ quan hệ tranh chấp, phần nhận định của Hội đồng xét xử sơ thẩm có đánh giá từng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại các đoạn [5], [6], [7], [8] và trong phần quyết định của bản án cũng đã giải quyết các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, theo đó không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc anh T1 phải trả lại quyền sử dụng đối với diện tích 452,4m² đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12 có địa chỉ tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vương Duy V về việc tuyên hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh X và anh T1 là vô hiệu; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vương Duy V về việc buộc anh Trần Minh T1 bồi thường thiệt hại cho gia đình ông số tiền 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*) do anh T1 đã xâm phạm tài sản của gia đình ông. Trong đó, giá trị đất là 170.000.000đ (*một trăm bảy mươi triệu đồng*), giá trị nhà trên đất là 330.000.000đ (*ba trăm ba mươi triệu đồng*); bồi thường lợi nhuận thu được từ kinh doanh nhà nghỉ và khắc phục thiệt hại với số tiền là 1.285.000.000đ (*một tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu đồng*). Tuy rằng, nhận định của bản án cấp sơ thẩm còn sơ sài đúng như nhận xét của người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, nhưng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án buộc anh Trần Minh T1 trả lại cho gia đình ông V diện tích đất khoảng 452,4m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang là yêu cầu khởi kiện then chốt nhất. Vì nếu yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận thì những yêu cầu khởi kiện còn lại mới có cơ sở để xem xét, giải quyết. Ngược lại, khi nguyên đơn không có đủ chứng cứ chứng minh tài sản tranh chấp thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của gia đình mình thì nguyên đơn không có quyền yêu cầu hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu; việc anh T1 có thay đổi hiện trạng nhà và đất như thế nào, kinh doanh lợi nhuận được bao nhiêu từ sau khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của vợ chồng anh X cũng sẽ không làm phát sinh

quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn không có quyền yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản. Vì vậy, thiếu sót này của Tòa án cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất của vụ án.

[10] Đối với nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang và ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì trong đơn khởi kiện ông Vương Duy V đề nghị Tòa án công nhận quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của gia đình ông với diện tích đất khoảng 452,4m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang; yêu cầu anh Trần Minh T1 trả lại cho gia đình ông diện tích đất khoảng 452,4m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang. Quan điểm của Kiểm sát viên và các Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Vương Duy V cho rằng đây là 02 yêu cầu độc lập nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho anh em trong gia đình ông V là không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Hội đồng xét xử thấy rằng, Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định, phân tích, đánh giá yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của nguyên đơn, tuy nhiên thiếu sót này không làm thay đổi bản chất của vụ án, vì yêu cầu khởi kiện trả lại quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất là 02 vấn đề trong cùng quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*. Cụ thể trong vụ án này, yêu cầu khởi kiện của ông Vương Duy V đề nghị Tòa án buộc anh Trần Minh T1 trả lại quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không được Tòa án chấp nhận thì đương nhiên Tòa án sẽ không công nhận cho ông V và các anh em ruột của ông được quyền quản lý, sử dụng đối với diện tích đất và tài sản trên đất đang tranh chấp.

[11]. Đối với nội dung kháng nghị của VKSND tỉnh Hà Giang và ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định thiếu tư cách tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với anh Vàng Mí X, không xác định tư cách người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của anh X, không bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự. Hội đồng xét xử xét thấy, tại khoản 1 Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định *"Trường hợp đương sự là cá nhân đang tham gia tố tụng chết mà quyền, nghĩa vụ về tài sản của họ được thừa kế thì người thừa kế tham gia tố tụng"*, trong vụ án này anh Vàng Mí X chết năm 2014, trước khi ông Vương Duy V khởi kiện tại Tòa án trong vụ kiện dân sự, nhưng trước đó vào năm 2011 ông V đã khởi kiện vụ án hành chính, yêu cầu hủy GCNQSDĐ đã cấp cho anh X, chị P1 nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người con của anh X (*hàng thừa kế thứ nhất*) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên, tại bút lục số 172, 173 thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của Vàng Mí G, Vàng Mí N, Vàng Thị M là con chung của anh X và chị P1, theo đó họ từ chối tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Mặt khác, vụ án dân sự này ông Vương Duy V khởi kiện anh Trần Minh T1, yêu cầu anh T1 trả lại quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại về tài sản. Ông V không có yêu cầu gì đối với người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh

X, chị P1. Phía bị đơn Trần Minh T1 chỉ nêu quan điểm bác bỏ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố. Chị Vũ Thị P1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên vụ án này cho dù yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận hay bị bác yêu cầu cũng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của chị P1 và những người con chung của anh X, chị P1. Vậy nên thiếu sót này của Tòa án cấp sơ thẩm không làm thay đổi bản chất của vụ án, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bất cứ đương sự nào trong vụ án.

[12]. Đối với ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa cụ Chu Thị V (*vợ cụ Vương Quỳnh A*) và UBND thị trấn M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là vi phạm thủ tục tố tụng, Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án hành chính cụ Chu Thị V khẳng định nguồn gốc diện tích đất 452,4m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 132, tờ bản đồ số 12 có địa chỉ tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang là tài sản của gia đình cụ, do chồng cụ là cụ ông Vương Quỳnh A được dòng họ Vương chia cho từ năm 1962, sau khi xét xử xong vụ án hành chính, đến năm 2014 cụ Chu Thị V chết, theo quy định tại Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự, cần xác định những người thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của cụ V để đưa họ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tương tự như đoạn [11]. Tuy nhiên, cụ V có 04 người con trai gồm ông Vương Duy V, ông Vương Duy B, ông Vương Duy Q, ông Vương Duy H và trong vụ án này ông V là nguyên đơn, ông B, ông Q, ông H đều đã được xác định là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nên việc Tòa án cấp sơ thẩm không nhận định người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ V trong bản án sơ thẩm không ảnh hưởng gì đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người con của cụ V. Đối với quan điểm cho rằng phải đưa UBND thị trấn M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, vì việc đánh giá Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và việc chứng thực vào Hợp đồng đó có hợp pháp hay không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Trong vụ án này, tại thời điểm Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được xác lập giữa vợ chồng anh Vàng Mí X, chị Vũ Thị P1 với anh Trần Minh T1 thực hiện ngày 05/10/2011 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật và đạo đức xã hội, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự quy định tại các Điều 122, Điều 123, Điều 124, Điều 689, Điều 697 và Điều 698 Bộ luật dân sự năm 2005, hơn nữa việc giải quyết vụ án không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của UBND thị trấn M nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND thị trấn M vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là đúng quy định của pháp luật.

[13]. Đối với ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị áp dụng tập quán để giải quyết vụ án này, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và các Luật sư bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho yêu cầu áp dụng tập quán là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy, Điều 45 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định "*Việc áp dụng tập quán được thực hiện như sau: Tòa án áp dụng tập quán*

để giải quyết vụ việc dân sự trong trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định. Tập quán không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật dân sự". Điều 5 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định "1. Tập quán là quy tắc xử sự có nội dung rõ ràng để xác định quyền và nghĩa vụ của cá nhân, pháp nhân trong quan hệ dân sự cụ thể, được hình thành và lặp đi lặp lại nhiều lần trong thời gian dài, được thừa nhận và áp dụng rộng rãi trong một vùng, miền, dân tộc, cộng đồng dân cư hoặc trong một lĩnh vực dân sự. 2. Trường hợp các bên không có thỏa thuận và pháp luật không quy định thì có thể áp dụng tập quán nhưng tập quán áp dụng không được trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự quy định tại Điều 3 của Bộ luật này". Khoản 1 Điều 3 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự như sau: "Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản...". Như vậy, đối chiếu các tình tiết của vụ án với những quy định của pháp luật được viện dẫn tại mục [13] cho thấy yêu cầu áp dụng tập quán của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ, vì không có tài liệu nào chứng minh người dân tộc Mông, đặc biệt là người dân tộc Mông sinh sống tại huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang có tục lệ được lặp đi lặp lại nhiều lần trong một thời gian dài việc phân chia tài sản trong dòng họ; giao tài sản cho người khác trông coi hộ chỉ nói bằng miệng, không thể hiện bằng văn bản.

[14]. Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Vương Duy V, không chấp nhận kháng nghị của VKSND tỉnh Hà Giang về việc hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của TAND huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

[15]. Về chi phí tố tụng: Ông Vương Duy V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

[16]. Về án phí: Ông Vương Duy V được miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Vương Duy V, không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 01/2021/DS-ST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mèo Vạc.

Căn cứ vào khoản 6, 9 Điều 26, khoản 1 Điều 157, Điều 158, khoản 1 Điều 165 và Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 4; khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 122, 123, 124, 689, 697, 698 Bộ luật dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vương Duy V về việc buộc anh Trần Minh T1 trả lại diện tích đất 452,4 m² và tài sản trên đất là nhà, thuộc thửa số 132, tờ bản đồ số 12, địa chỉ thửa đất tại xóm C, thị trấn M, huyện M, tỉnh Hà Giang;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vương Duy V về việc tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng anh Vàng Mí X, chị Vừ Thị P1 và anh Trần Minh T1 đã được Ủy ban nhân dân thị trấn M chứng thực ngày 05/10/2011 là vô hiệu;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vương Duy V về việc đề nghị anh Trần Minh T1 bồi thường thiệt hại cho gia đình ông số tiền 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*) do anh T1 đã xâm phạm tài sản của gia đình ông: Trong đó giá trị đất là 170.000.000đ (*một trăm bảy mươi triệu đồng*), giá trị nhà trên đất là 330.000.000đ (*ba trăm ba mươi triệu đồng*); bồi thường lợi nhuận thu được từ kinh doanh nhà nghỉ và khắc phục thiệt hại với số tiền là 1.285.000.000đ (*một tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu đồng*).

- Về chi phí tố tụng: Ông Vương Duy V phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.720.000 đồng (*năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản đã nộp là 8.000.000đ (*tám triệu đồng*), số tiền còn thừa 2.280.000đ (*hai triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng*) đã được trả lại cho ông Vương Duy V ngày 25/01/2021.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Vương Duy V được miễn án phí dân sự sơ thẩm, được trả lại số tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp là 12.000.000đ (*mười hai triệu đồng*) theo biên lai số 03447 ngày 03/5/2019 và 25.000.000đ (*hai mươi lăm triệu đồng*) theo biên lai số 03466 ngày 04/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mèo Vạc, tỉnh Hà Giang.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Vương Duy V được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- TAND huyện Mèo Vạc;
- Chi cục THADS huyện Mèo Vạc;
- Các đương sự;
- Các Luật sư;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vương Thị Thu Hà